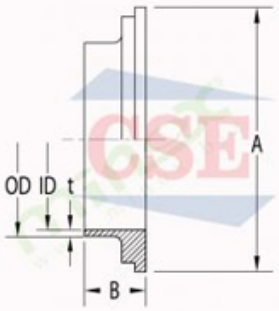


RẮC CO VI SINH INOX 304/316 TIÊU CHUẨN SMS

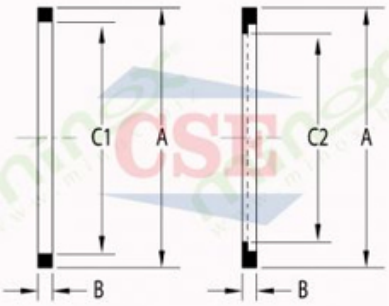
Products	SMS UNION
Brand	CSE
Body Material	Stainless Steel 304 or 304L, 316 & 316L
Rubber Material	EPDM, NBR, Silicone, Viton, Teflon
Finishing	Ra ≤ 0.4μm as machine
Size	ISO 1” ~ 4”

SMS Union



SMS Union-Liner Dimension (mm)

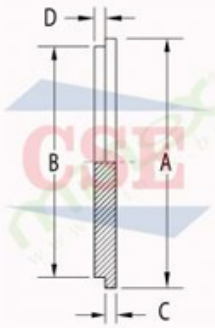
Size (Inch)	OD / ID x t	A	B
1.0"	25.4 / 22.4 x 1.5	35.5	15.5
1.5"	38.1 / 35.1 x 1.5	55.0	16.0
2.0"	50.8 / 47.8 x 1.5	65.0	17.0
2.5"	63.5 / 60.5 x 1.5	80.0	17.0
3.0"	76.2 / 73.2 x 1.5	93.0	19.0
4.0"	101.6 / 97.6 x 2.0	118.0	19.0
4.0"	101.6 / 97.6 x 2.0	127.0	19.0



Square Type L - Type

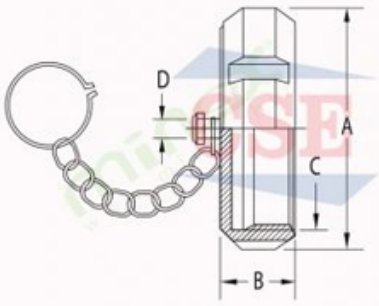
SMS Union-Gasket Dimension (mm)

Size (Inch)	A	B	C1	C2
1.0"	32.0	5.5	25.0	22.4
1.5"	48.0	5.5	38.0	38.1
2.0"	61.0	5.5	51.0	47.8
2.5"	73.5	5.5	63.6	60.5
3.0"	86.0	5.5	76.0	73.5
4.0"	113.5	5.5	101.6	97.6



SMS Union-Blank Dimension (mm)

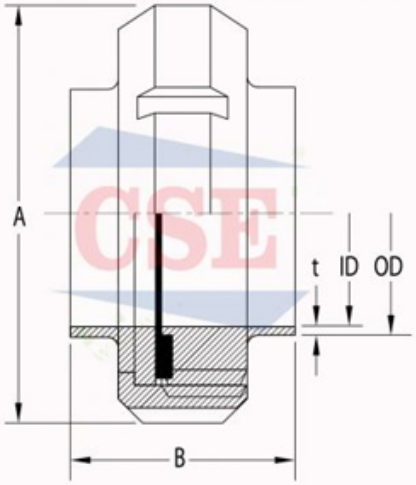
Size (Inch)	A	B	C	D
1.0"	35.5	31.5	3.5	4.0
1.5"	55.5	47.5	4.0	4.0
2.0"	65.0	60.0	4.0	5.0
2.5"	80.0	73.0	4.0	5.0
3.0"	93.0	86.0	4.0	6.0
4.0"	126.5	116.0	4.0	7.0



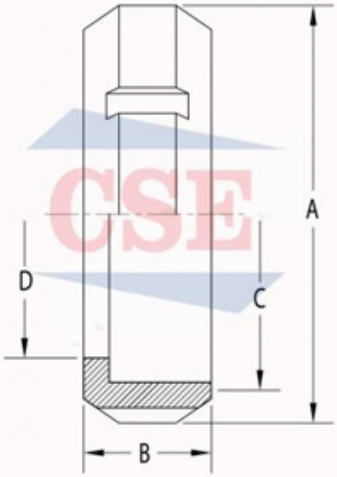
SMS Union-Blank Nut With Chain Dimension (mm)

Size (Inch)	A	B	C	D
1.0"	51.0	19.0	40 x 1/6	8.0
1.5"	74.0	23.0	60 x 1/6	8.0
2.0"	84.0	24.0	70 x 1/6	8.0
2.5"	100.0	28.0	85 x 1/6	8.0
3.0"	114.0	30.0	98 x 1/6	8.0
4.0"	138.0	31.0	125 x 1/4	8.0
4.0"	150.0	31.0	132 x 1/6	8.0
4.0"	150.0	45.0	132 x 1/6	8.0

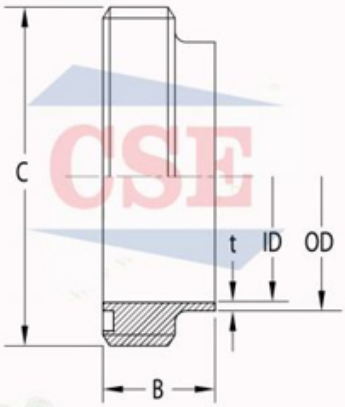
SMS Union



SMS Union Dimension (mm)			
Size (Inch)	OD / ID x t	A	B
1.0″	25.4 / 22.4 x 1.5	51.0	35.5
1.5″	38.1 / 35.1 x 1.5	74.0	40.0
2.0″	50.8 / 47.8 x 1.5	84.0	41.0
2.5″	63.5 / 60.5 x 1.5	100.0	45.0
3.0″	76.2 / 73.2 x 1.5	114.0	47.0
4.0″	101.6 / 97.6 x 2.0	138.0	51.0
4.0″	101.6 / 97.6 x 2.0	150.0	56.0
4.0″	101.6 / 97.6 x 2.0	150.0	65.0



SMS Union-Nut Dimension (mm)				
Size (Inch)	A	B	C	D
1.0″	51.0	19.0	40 x 1/6	32.3
1.5″	74.0	23.0	60 x 1/6	48.5
2.0″	84.0	24.0	70 x 1/6	61.0
2.5″	100.0	28.0	85 x 1/6	74.0
3.0″	114.0	30.0	98 x 1/6	87.0
4.0″	138.0	31.0	125 x 1/4	113.0
4.0″	150.0	31.0	132 x 1/6	117.0
4.0″	150.0	45.0	132 x 1/6	117.0



SMS Union-Male Part Dimension (mm)			
Size (Inch)	OD / ID x t	B	C
1.0″	25.4 / 22.4 x 1.5	19.0	40 x 1/6
1.5″	38.1 / 35.1 x 1.5	23.0	60 x 1/6
2.0″	50.8 / 47.8 x 1.5	24.0	70 x 1/6
2.5″	63.5 / 60.5 x 1.5	28.0	85 x 1/6
3.0″	76.2 / 73.2 x 1.5	30.0	98 x 1/6
4.0″	101.6 / 97.6 x 2.0	30.0	125 x 1/4
4.0″	101.6 / 97.6 x 2.0	35.0	132 x 1/6
4.0″	101.6 / 97.6 x 2.0	40.0	132 x 1/6

Sản phẩm khác



VAN BƯỚM VI SINH TAY GẠT HÀN

Xem thêm VAN BƯỚM VI SINH TAY GẠT HÀN



VAN BƯỚM VI SINH INOX TAY RÚT NỐI HÀN TIÊU CHUẨN SMS

Xem thêm VAN BƯỚM VI SINH INOX TAY RÚT NỐI HÀN TIÊU CHUẨN SMS



VAN BƯỚM VI SINH INOX TAY RÚT NỐI HÀN TIÊU CHUẨN DIN

Xem thêm VAN BƯỚM VI SINH INOX TAY RÚT NỐI HÀN TIÊU CHUẨN DIN



FERRULE VI SINH INOX 304/316 TIÊU CHUẨN DIN

Xem thêm FERRULE VI SINH INOX 304/316 TIÊU CHUẨN DIN



BẦU ĐỒNG TÂM VI SINH TIÊU CHUẨN DIN

Xem thêm BẦU ĐỒNG TÂM VI SINH TIÊU CHUẨN DIN



BẦU LỆCH TÂM VI SINH TIÊU CHUẨN DIN

Xem thêm BẦU LỆCH TÂM VI SINH TIÊU CHUẨN DIN